TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2019/HNGĐ-ST
Ngày 09-10-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Điển

Bà Đinh Thị Kiều Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông NVL; địa chỉ: Tổ 3, A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà DTKC, địa chỉ: Số 9C178, phường D, quận E, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/7/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông NVL trình bày:

Ông NVL và bà DTKC kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Hải Phòng năm 2005. Quá trình chung

sống vợ chồng giữa hai bên có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm, về tính cách nên đã sống ly thân mỗi người một nơi và không còn quan tâm, trách nhiệm đối với nhau. Nay, ông NVL cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không còn nên yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn với bà DTKC theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 02 con là E, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2005 và F, sinh ngày 07 tháng 6 năm 2008. Ly hôn, ông NVL đồng ý để bà DTKC trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Về việc cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông NVL không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai đề ngày 31/7/2019, bị đơn bà DTKC đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu giải quyết ly hôn của ông NVL theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Bà DTKC xác nhận vợ chồng có hai con chung là E, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2005 và F, sinh ngày 07 tháng 6 năm 2008. Hiện cả hai con đang sống cùng bà DTKC tại nhà số 9 C178, phường D, quận E, thành phố Hải Phòng. Trường hợp ly hôn, bà DTKC yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con cho đến khi các con thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự tại phiên tòa đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 28, 35, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho ông NVL ly hôn bà DTKC. Về con chung: Giao con E và con F cho bà DTKC trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật; về việc cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu nên

không xem xét, giải quyết. Về án phí: ông NVL phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà DTKC đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên toà lần thứ hai nhưng vắng mặt và không có căn cứ xác định việc vắng mặt của bị đơn là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông NVL kết hôn với bà DTKC trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Hải Phòng ngày 18 tháng 01 năm 2005 nên quan hệ hôn nhân giữa ông NVL và bà DTKC là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Ông NVL cho rằng quá trình chung sống giữa ông và bà DTKC có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên có bất đồng về quan điểm, về cách sống nên giữa vợ chồng không có sự yêu thương, tôn trọng lẫn nhau và đã sống ly thân mỗi người một nơi. Trong khi đó, mặc dù bà DTKC không có quan điểm cụ thể về yêu cầu ly hôn của ông NVL nhưng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng bà DTKC đều vắng mặt tại các phiên làm việc, phiên họp hòa giải cũng như tại phiên tòa. Qua đó đánh giá rằng, bà DTKC không thiện chí và không có biện pháp gì cụ thể để khắc phục mâu thuẫn giữa vợ và chồng. Nên xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông NVL và bà DTKC đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc ông NVL yêu cầu ly hôn với bà DTKC là có căn cứ, phù hợp với thực tế và phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên chấp nhận yêu cầu của ông NVL. Cho ông NVL ly hôn với bà DTKC.

[4] Về con chung: Ông NVL và bà DTKC có 02 con là E, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2005 và F, sinh ngày 07 tháng 6 năm 2008. Hiện cả hai cháu đang sống cùng bà DTKC tại nhà số 9 C178, phường D, quận E, thành phố Hải Phòng. Trường hợp ly hôn, bà DTKC yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung; ông NVL cũng đồng ý để bà DTKC nuôi cả hai con. Trong khi đó, các cháu E và F đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc giao con chưa thành niên cho bố hoặc mẹ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn phải bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con. Do vậy, giao con E và F cho bà DTKC nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế, phù hợp nguyện vọng của các bên, phù hợp

nguyện vọng của các con và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4.1] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Ông NVL phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông NVL ly hôn bà DTKC.

2. Về con chung: Giao con E, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2005 và F, sinh ngày 07 tháng 6 năm 2008 cho bà DTKC trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Ông NVL phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007926 ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Ông NVL đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
-UBND phường B, quận C,
(GCN kết hôn số 04, quyển số 01/2005, ngày 18/01/2005);
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đinh Hữu Hường